



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VIII/2019



HÀ NỘI, THÁNG IX/2019

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2019 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2019.....	12
1. Đối với cây lúa .....	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	14
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2019.....	16
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VIII/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ( $-0,1^{\circ}\text{C}$  đến  $2,3^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-287,2\text{mm}$  đến  $454,6\text{mm}$ . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-80,6$  giờ đến  $82,6$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-9\%$  đến  $5\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VIII/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

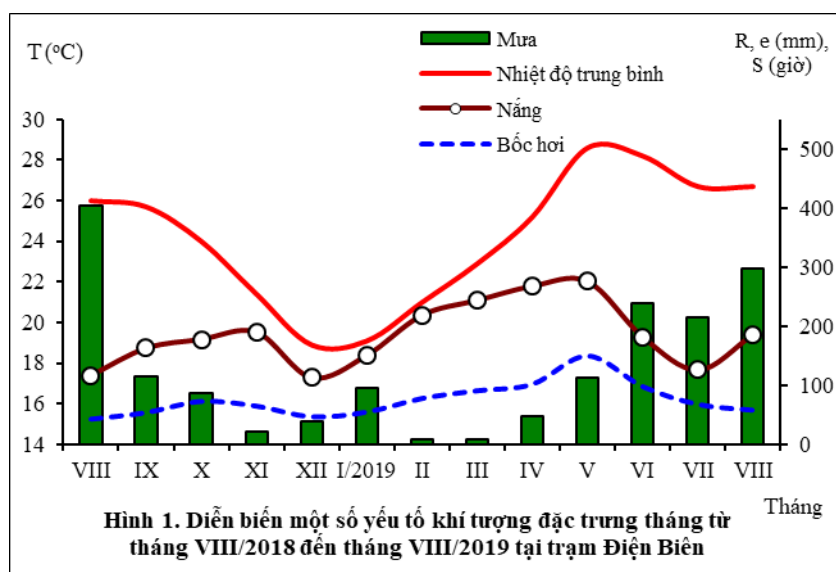
Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,5$  đến  $1,8^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $21,2^{\circ}\text{C}$  đến  $28,9^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $14,8^{\circ}\text{C}$  đến  $26,1^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $15,9^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 24/VIII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $25,8^{\circ}\text{C}$  đến  $34,3^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $39^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 19/VIII tại Kim Bôi. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Điện Biên

142mm đến 509mm, cao nhất là 799mm xảy ra tại Mai Châu và 744mm tại Mộc Châu. Lượng mưa tháng các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ -287,2mm đến 454,6mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 28mm đến 236mm, cao nhất là 236mm xảy ra ngày 3/VIII tại Chi Nê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 23 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VIII/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -18,2 giờ đến 82,6 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 132 giờ đến 234 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2019 dao động từ 79% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 10/VIII tại Yên Châu và ngày 14/VIII tại Phù Yên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2019 có giá trị phổ biến từ 41mm đến 83mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-747mm đến -80mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2- 5mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 10 ngày trong đó có 1 ngày xuất hiện với cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 đến 17 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VIII/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,8<sup>0</sup>C đến 2,3<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

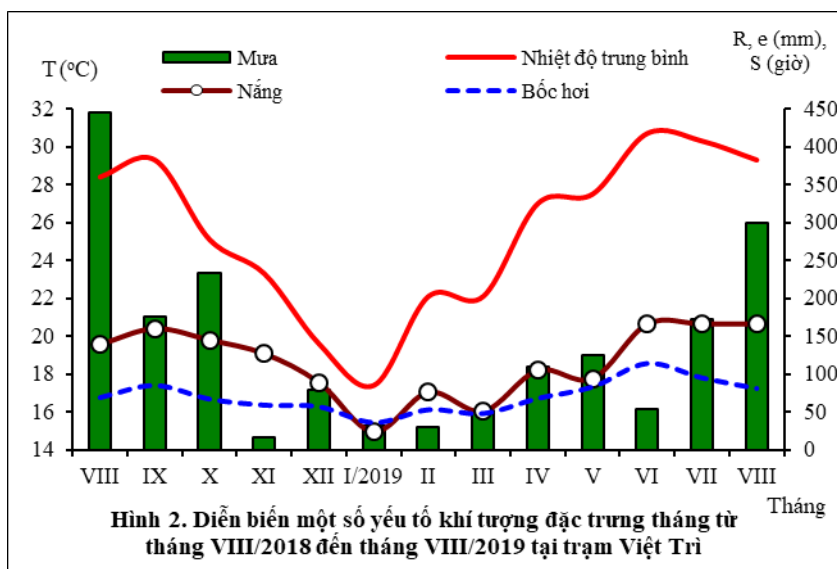
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,6<sup>0</sup>C đến 29,6<sup>0</sup>C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,3<sup>0</sup>C đến 26,4<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 23/VIII tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,6<sup>0</sup>C đến 35,1<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 38,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/VIII tại Hà Giang.

## 2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 181 mm đến 481mm; cao nhất là 778mm tại SaPa, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -145,4mm đến 299,9mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 31mm đến 152mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 17 – 25 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VIII/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 162 giờ đến 226 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-167 giờ đến 60,7 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2019 phổ biến từ 81 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42%, xảy ra vào ngày 1/VIII tại Lào Cai.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 50mm đến 115mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-728mm đến -163mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 20 ngày trong đó có 1 ngày với cường độ mạnh.

- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 1 đến 22 ngày.

## 3. Vùng Đông Bắc

### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3°C đến 1,0°C; có giá trị dao động từ 26,1°C đến 29,1°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 31,7°C đến 34,0°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,4°C xảy ra vào các ngày 14/VIII tại Lục Ngạn.

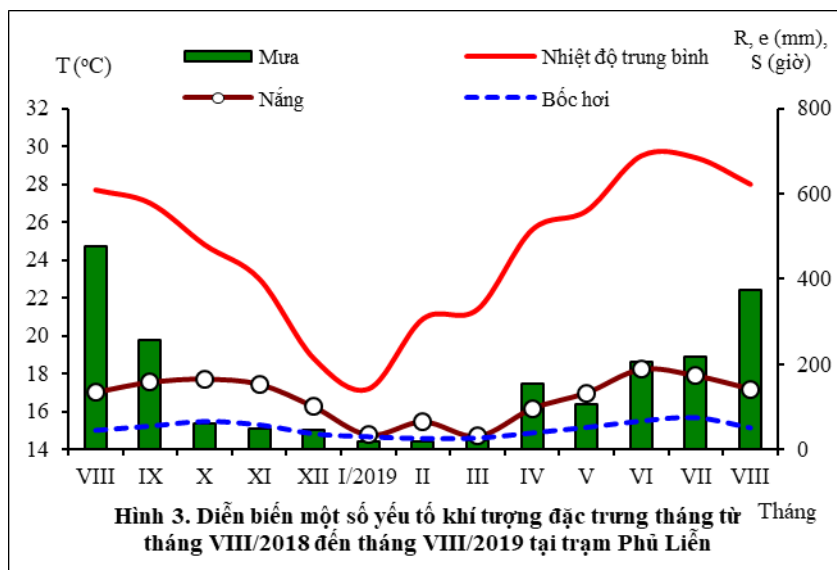
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,1°C đến 26,6°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,1°C xảy ra vào ngày 1/VIII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

### 3.2. Diễn biến về

#### mưa

- Lượng mưa tháng VIII/2019 dao động phổ biến từ 250mm đến 809mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-150,8mm đến 215,2mm) (hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 38 đến 207mm, cao nhất xảy ra ngày 31/VIII tại Tiên Yên.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ Tháng tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Phù Liên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-80,6 giờ đến 30,8 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 140 giờ đến 179 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 81 đến 93%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 29/VIII tại Sơn Động.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 44mm đến 77mm. Lượng bốc hơi các

khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa - 624mm đến -123mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3- 5mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 11 – 22 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày với 1 ngày có cường độ mạnh

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,8<sup>0</sup>C đến 30<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C) (hình 10);

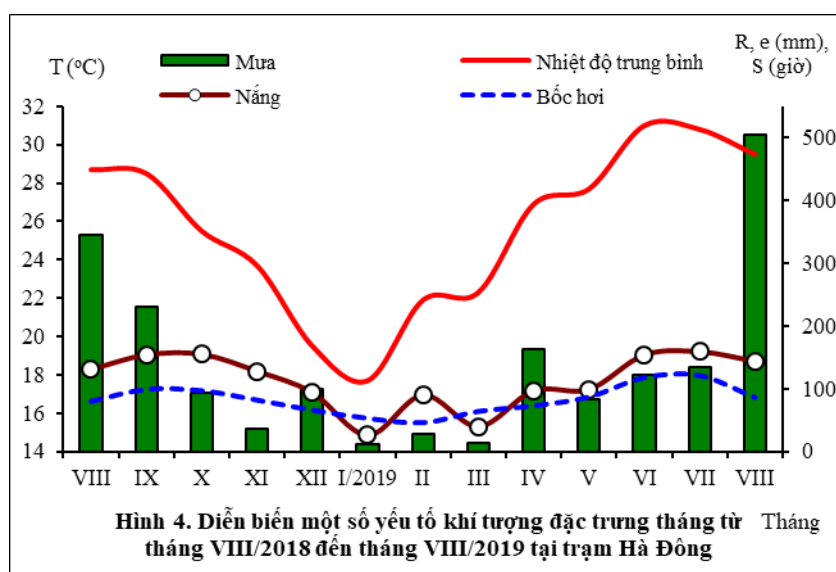
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,1<sup>0</sup>C đến 34,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/VIII tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,1<sup>0</sup>C đến 27,3<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/VIII tại Phủ Lý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -112,5mm đến 308mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 227mm đến 620mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 60 đến 199mm, cao nhất là 211mm xảy ra ngày 3/VIII tại Phủ Lý. Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 110 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ Tháng tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Hà Đông

### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 137 giờ đến 176 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -34,4 giờ đến -4 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-8% đến 0%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 13/VIII tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 63mm đến 86mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -556mm đến -141mm.

### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 5 ngày trong đó 1 ngày với cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 9 đến 21 ngày.

## 5. Vùng Bắc Trung Bộ

### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

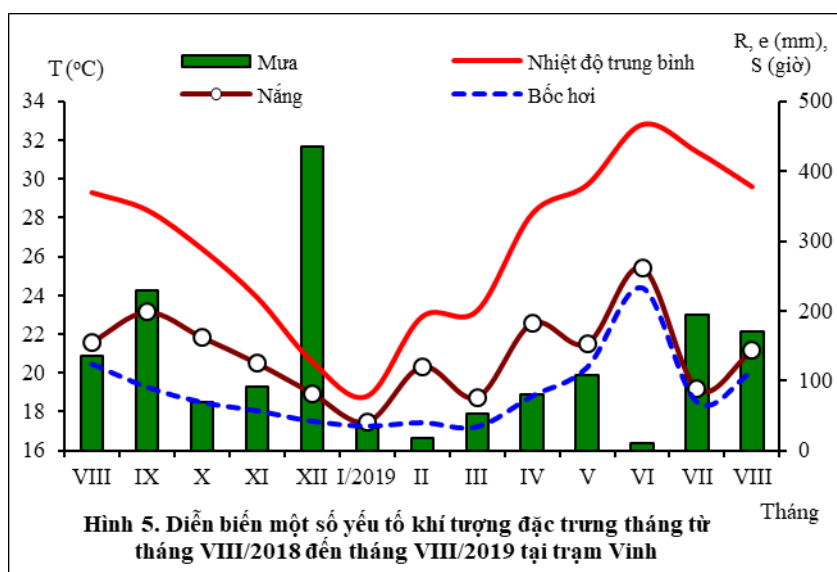
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3°C đến 1,2°C) (hình 10) và có giá trị từ 27,6°C đến 29,6°C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,4°C đến 33,9°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39°C xảy ra vào ngày 8/VIII tại Tương Dương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25°C đến 27,1°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2°C xảy ra vào ngày 20/VIII tại Như Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Vinh

170mm đến 483mm, cao nhất là Hội Xuân 627mm. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -34,1mm đến 309mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 40 đến 137mm, cao nhất là 166mm xảy ra vào ngày 30/VIII tại Quỳnh Châu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 133 đến 193 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -27,8 giờ đến -11,1 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 12/VIII tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 53mm đến 155mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 11mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-572mm đến -40mm).

### **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày trong đó có 1 - 2 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 8 – 19 ngày.

## **6. Vùng Trung Trung Bộ**

### **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

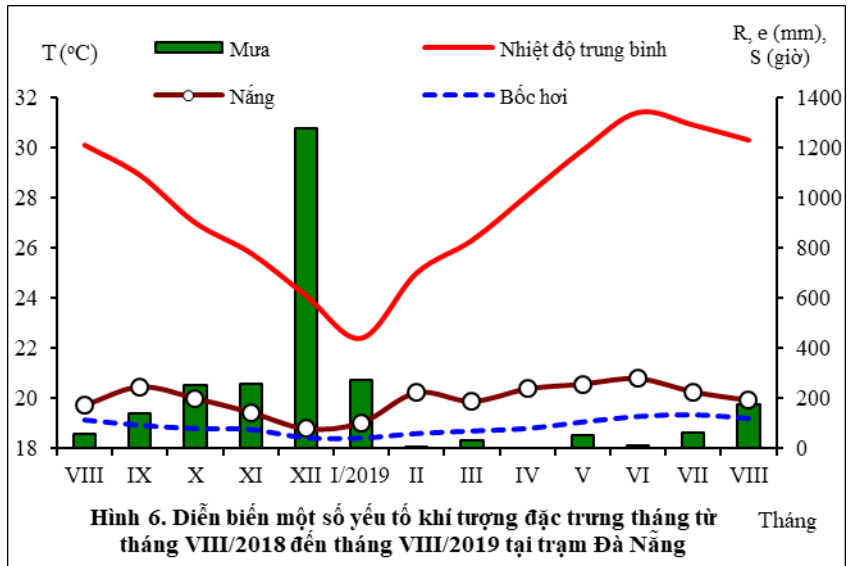
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2019 từ 25,3<sup>0</sup>C đến 30,3<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3<sup>0</sup>C đến 1,5<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,5<sup>0</sup>C đến 36<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 19/VIII tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23<sup>0</sup>C đến 27,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/VIII tại A Lưới.

### **6.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa trong tháng VIII/2019 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -93,2mm đến 242,6mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 109 – 383mm, cao nhất là 419mm tại Khe Sanh.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 mm đến 151mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 12 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 80 giờ đến 211 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-75,1 giờ đến -15,4 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 17/VIII tại Quảng Ngãi.

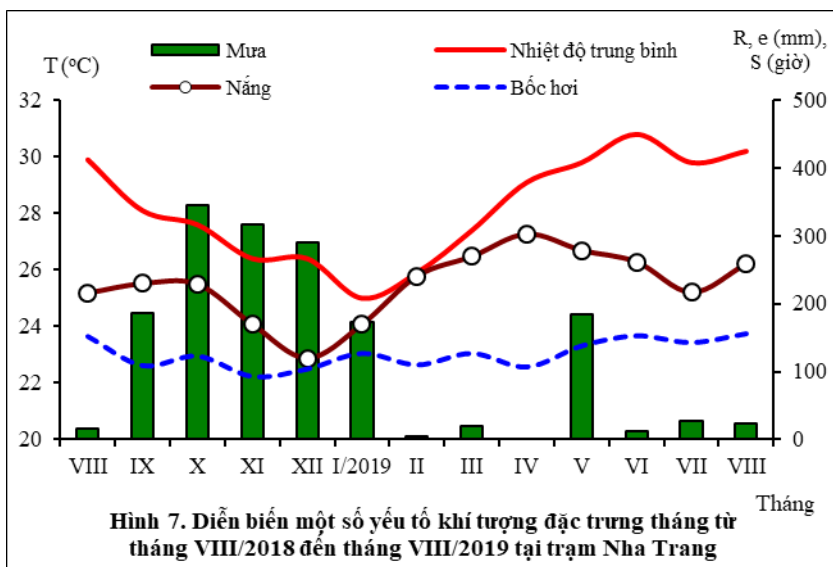
- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 65mm đến 176mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 11mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-351mm đến -27mm).

### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 6 - 11 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 20 ngày trong đó có 1 - 6 ngày có cường độ mạnh.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ



Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2019 từ 27,5<sup>0</sup>C đến 31,5<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5<sup>0</sup>C đến 2<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7<sup>0</sup>C đến 36,1<sup>0</sup>C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là

40<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 19/VIII tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,4<sup>0</sup>C đến 28,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,4<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 27/VIII tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2019, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 24mm đến 86mm, cao nhất là 166mm xảy ra tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -26,7mm đến -3,6mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng theo thời gian tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 47mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 7 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 18 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 218 giờ đến 261 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10,8 giờ đến 33 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 65% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 3%, (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 29% xảy ra vào ngày 1/VIII tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 93mm đến 201mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 10mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp

xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-73mm đến 146mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 5 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 22 ngày trong đó có 1 đến 7 ngày có cường độ mạnh.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2019 từ 19,2<sup>0</sup>C đến 27,7<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3<sup>0</sup>C đến 1,3<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,2<sup>0</sup>C đến 32,5<sup>0</sup>C;

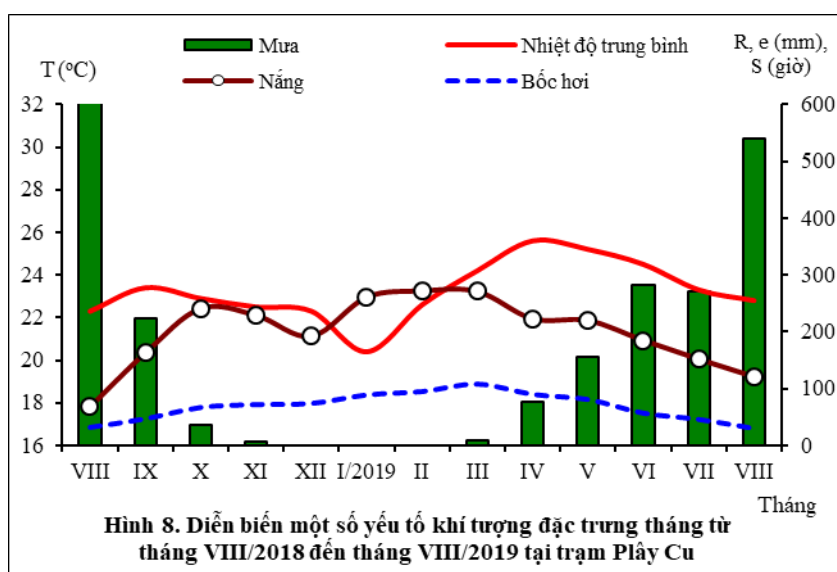
giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 19/VIII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,3 đến 24,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/VIII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2019 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 65 đến 540mm, cao nhất là 703mm tại Bảo Lộc. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -88,2mm đến 302mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 16mm đến 214mm, cao nhất là 224mm xảy ra ngày 7/VIII tại Buôn Ma Thuột. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 11 đến 30 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 18 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 18 ngày. Diễn biến



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Plây Cu

tổng lượng mưa tháng theo thời gian tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2019 phổ biến từ 68 giờ đến 228 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-44,2 giờ đến 11,9 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN từ -3 đến 2 (hình 13), có giá trị phổ biến từ 73% đến 94%; độ ẩm không khí thấp nhất là 47% xảy ra vào ngày 21/VIII tại M'Drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 24mm đến 152mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -670mm đến -203mm.

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 10 ngày.

- Gió Lào xuất hiện 1 ngày tại Ayunpa với cường độ nhẹ.

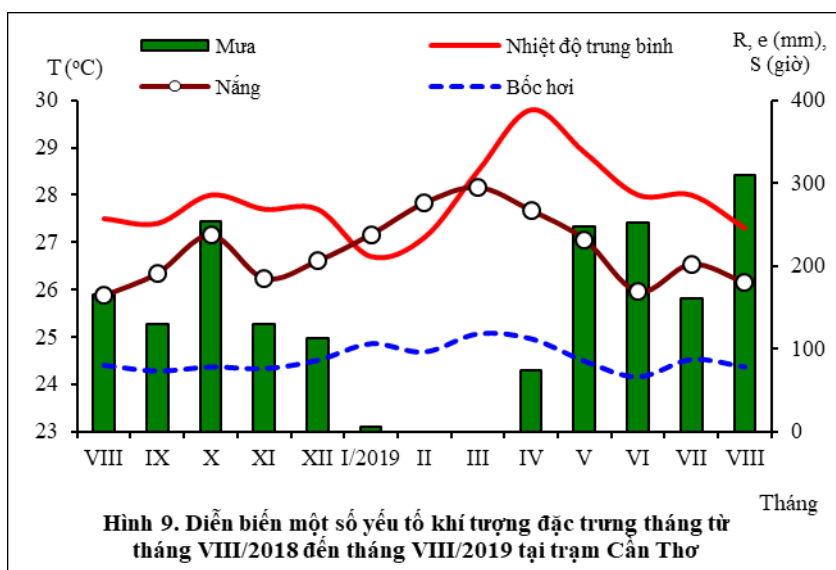
## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2019 từ 26,2<sup>0</sup>C đến 28,5<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,1<sup>0</sup>C đến 1,4<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,4<sup>0</sup>C đến 32,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 27/VIII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,4<sup>0</sup>C đến 25,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/VIII tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng theo thời gian tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII/2018 đến tháng VIII/2019 tại trạm Cần Thơ

## **9.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2019 dao động phổ biến từ 139mm đến 612mm, cao nhất là 897mm tại Trị An. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-97,8mm đến 159,7mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 25mm đến 131mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 20 đến 28 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày.

## **9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2019 phổ biến từ 131 giờ đến 200 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-30,4 giờ đến 18,7 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 2% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 28/VIII tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 37mm đến 90mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-414mm đến -59mm).

## **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 22 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện 1 - 5 ngày với cường độ nhẹ.

## **V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2019**

Tháng VIII/2019 điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Hầu hết các yếu tố khí tượng nông nghiệp ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN một ít, lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều, phân bố đều trong tháng, kết hợp với nền nhiệt và số giờ nắng khá, gió tây khô nóng giảm hẳn so với các tháng trước tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển thuận lợi.

Trong tháng các địa phương Miền Bắc tiếp tục hoàn thành kế hoạch gieo trồng lúa mùa, tập trung làm cỏ, bón phân, tưới dưỡng cho lúa, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu - thu đông đồng thời tranh thủ gieo cấy các loại cây rau màu đang còn thời vụ, các tỉnh trung du và miền núi,

Bắc Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ tập trung khắc phục hậu quả của các trận mưa lớn do bão số 3 và 4 gây ra.

Đặc điểm nổi bật trong tháng VIII là tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lũ lớn trên diện rộng ở Bắc bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, tố lốc xảy ra ở nhiều nơi, bão số 4 và hoàn lưu bão ảnh hưởng trực tiếp khu vực ven biển các tỉnh Thái Bình đến Nghệ An, lũ quét xảy ra ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ... đã tác động đến sản xuất và đời sống của người dân.

Ngoài ra, gió tây khô nóng phát triển mạnh ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ đang trong giai đoạn mùa khô nên xảy ra tình hình thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Ảnh hưởng của bão số 3 xảy ra ở khu vực phía Bắc trong đó Thanh Hóa là địa phương chịu thiệt hại nhiều nhất hơn 1,2 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 1,7 nghìn con gia súc bị chết; 94 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; 2,1 nghìn ngôi nhà bị ngập và hư hỏng, thiệt hại về tài sản ước tính 864 tỷ đồng.

Tại Hải Dương, mưa lớn làm 3.276 ha lúa, 193 ha cây trồng khác bị ngập úng.

Cơn bão số 4 xảy ra vào cuối tháng VIII ảnh hưởng đến khu vực từ Nghệ An – Quảng Bình, trong đó trên địa bàn Nghệ An có nhiều địa phương bị thiệt hại: Anh Sơn, Quỳnh Lưu, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quế Phong, Quỳnh Châu

## **1. Đối với cây lúa**

- *Lúa mùa:* Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được 1.286 nghìn ha lúa Mùa, bằng 97,6% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.080 nghìn ha, bằng 97,8%, các địa phương phía Nam gieo cấy 205,9 nghìn ha, bằng 96,5%. Tiến độ gieo cấy lúa Mùa 2019 tại các địa phương chậm hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của thời tiết khô hạn, đặc biệt tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- *Lúa hè thu:* Tính đến cuối tháng, cả nước gieo cấy được 2.011,4 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 97,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 171 nghìn ha, bằng 100,6%; các địa phương phía Nam đạt 1.829 nghìn ha, bằng 97,4%. Hiện nay các địa phương phía Nam, thu hoạch lúa Hè thu đạt 1081,1 nghìn ha, bằng 112,4%, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 987,5 nghìn ha, bằng 111,8%. Tiến độ thu hoạch lúa Hè thu nhanh hơn so thời điểm cùng kỳ năm trước, do nông dân thực hiện theo lịch xuống giống tập trung và sớm hơn khoảng 10 đến 20 ngày so với thời điểm xuống giống vụ Hè thu

năm trước. Tổng hợp số liệu báo cáo ước tính từ các địa phương, sản lượng lúa Hè thu 2019 cả nước giảm do cả diện tích và năng suất đều giảm. Diện tích gieo trồng lúa Hè thu ước đạt 2.011,4 nghìn ha, giảm 49,1 nghìn ha, do các địa phương tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mùa vụ; năng suất ước đạt 54,4 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 10,95 triệu tấn, giảm 328,3 nghìn tấn so với chính thức vụ Hè thu năm 2018.

- *Lúa Thu đông*: Tính đến cuối tháng, lúa Thu đông đã xuống giống được 403,5 nghìn ha, bằng 97,6% % so cùng kỳ. Tiến độ xuống giống lúa Thu đông chậm hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của mưa đầu vụ. Hiện nay, lúa Thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, cây lúa sinh trưởng và phát triển khá tốt, các đối tượng gây hại ở mức nhẹ đến trung bình.

## 2. Đối với các loại rau màu

Tính đến cuối tháng, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 926,1 nghìn ha ngô, bằng 98,3% cùng kỳ năm trước; 102,4 nghìn ha khoai lang, bằng 99,1%; 169,3 nghìn ha lạc, bằng 95,6%; 46,1 nghìn ha đậu tương, bằng 99,7%; 889,6 nghìn ha rau, đậu các loại, bằng 100,4%.

Ở Mộc Châu, Ba Vì, Phú Hộ chè trong giai đoạn nảy chồi, lá thật 1 trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc trong giai đoạn hình thành củ, đậu tương ra quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VIII/2019**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa trở bông, ngâm sữa	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh, mọc đống	TB	ẩm	

5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa mọc dón	Tốt	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa mọc dón	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ảm	
12			Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
13		Hải Dương	Lúa mùa mọc dón, đẻ nhánh	Khá	3cm	
14		Hưng Yên	Lúa mùa mọc dón	Khá	3cm	
15		Nam Định	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa mọc dón	TB	Quá ảm	
17		Thái Bình	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương nở hoa	TB	TB	
19			Lạc nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa mọc dón	TB	4cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu ngâm sữa	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu thu hoạch			
24	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu chắc xanh	Khá	4cm	
25		An Nhơn	Lúa hè thu thu hoạch			
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu thu hoạch			

30		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	Quá ẩm	Chuột rất nhẹ <10%
----	--	----------	---------------------------	-----	--------	-----------------------

### 3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng 8 diễn ra như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 11.311 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh đạo ôn*

+ Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 7.643 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 10.113 ha. Tập trung các tỉnh phía Nam.

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 42.446 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bắc Trung bộ và phía Nam.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 33.779 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 14.804 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích 19.258 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Nam bộ.

- Chuột: Diện tích hại 11.637 ha, mất trắng 2,5 ha.

- Bệnh vàng lụi: Diện tích nhiễm 15 ha.

- Bệnh lùn sọc đen: Bệnh xuất hiện rải rác tại Thái Bình, Hòa Bình, Nam Định.

- Bệnh lúa cỏ: xuất hiện cục bộ, diện tích nhiễm 15 ha (Ninh Bình).

## V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2019

### 3.1. Nhiệt độ

NĐTB mùa IX - XI năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở đại bộ phận diện tích cả nước, với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0 đến trên 1,5oC

### 3.2. Lượng mưa

TLM mùa IX - XI năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Quảng Trị - Ninh Thuận, Bắc Tây Nguyên và phần lớn Tây Nam Bộ;

thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phía Bắc (từ Quảng Trị trở ra), cực Nam Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến trên 77%

### **3.3. Hiện tượng cực đoan**

**Xoáy thuận nhiệt đới:** XTNĐ trong mùa IX-XI trên Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền ở mức từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN. Trong tháng IX/2019, XTNĐ chủ yếu tác động đến Bắc Bộ-Bắc Trung Bộ. Tháng XXI, XTNĐ tác động đến khu vực từ Trung Trung Bộ đến Nam Bộ. Có khả năng, xuất hiện 1 XTNĐ tác động vào khu vực Nam Bộ trong tháng XI/2019.

**Hoạt động của gió mùa:** Thời điểm kết thúc hoạt động của gió mùa mùa hè ở mức TBNN (giữa tháng X/2019). Thời điểm hoạt động và tác động của gió mùa mùa đông đến miền Bắc nước ta ở mức TBNN. Tuy nhiên, cường độ của gió mùa mùa đông yếu hơn TBNN.

#### **Mưa Lớn:**

- Bắc Bộ-Thanh Hóa: Mưa lớn tập trung vào tháng IX/2019, vẫn có khả năng xảy ra các trận mưa lớn vào tháng X ở Bắc Bộ (do hoạt động của sóng Đông)

- Trung Bộ: Trong tháng IX-X/2019, mưa lớn chủ yếu xảy ra ở Bắc Trung Bộ-Trung Trung Bộ, đặc biệt là vào tháng X ở khu vực Trung Trung Bộ; tháng XI/2019, mưa lớn tập trung chủ yếu ở Trung Trung Bộ mở rộng xuống Nam Trung Bộ.

- Tây Nguyên-Nam Bộ: Mưa lớn chủ yếu xảy ra vào tháng IX/2019, không nghiêm trọng bằng ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

**Mưa trái mùa:** Sau khi gió mùa mùa hè kết thúc, vẫn còn xuất hiện mưa trái mùa kéo dài đến cuối tháng XI/2019 ở Nam Bộ.

**Điều kiện khô/hạn:** Thời điểm bắt đầu mùa khô hạn năm 2019/2020 có thể đến sớm hơn ở Bắc Bộ; xấp xỉ TBNN ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Do thiếu hụt lượng mưa kéo dài nhiều tháng và hoạt động tích trữ nước của các hồ thủy điện, khô hạn 2019/2020 nghiêm trọng hơn ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Cao điểm khô hạn 2019/2020 xảy ra vào khoảng tháng I-III/2020.

## **V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VIII và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng IX, X và XI/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 4

- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, bệnh đạo ôn...) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa sớm, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

## **2. Miền Nam**

- Thu hoạch xong lúa hè thu muộn;

- Tăng cường các biện pháp chống úng;

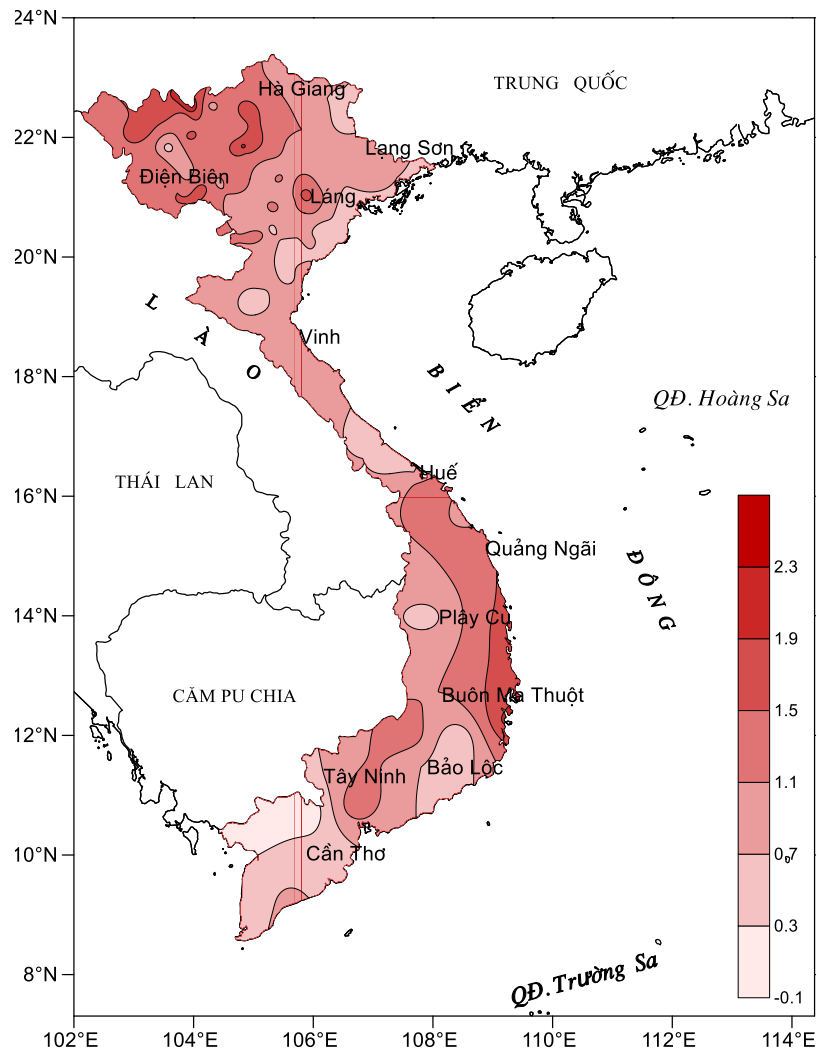
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là đạo ôn, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá ở Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

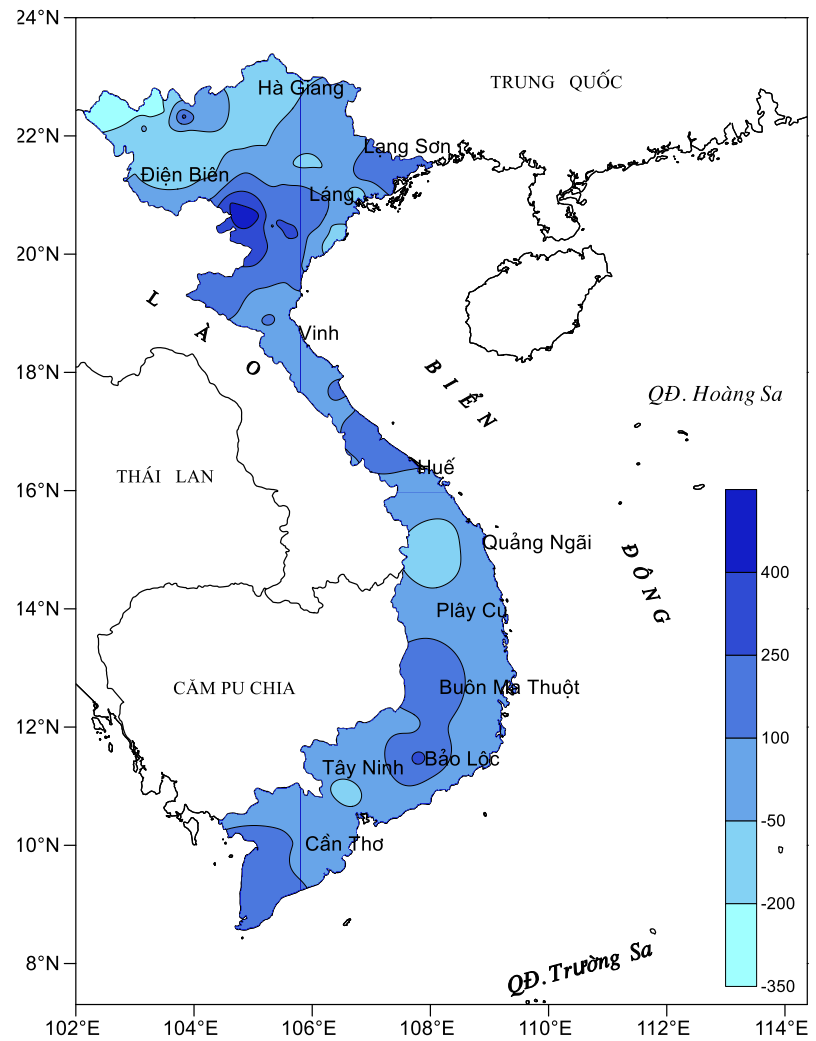
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IX, X, XI năm 2019;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IX năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;

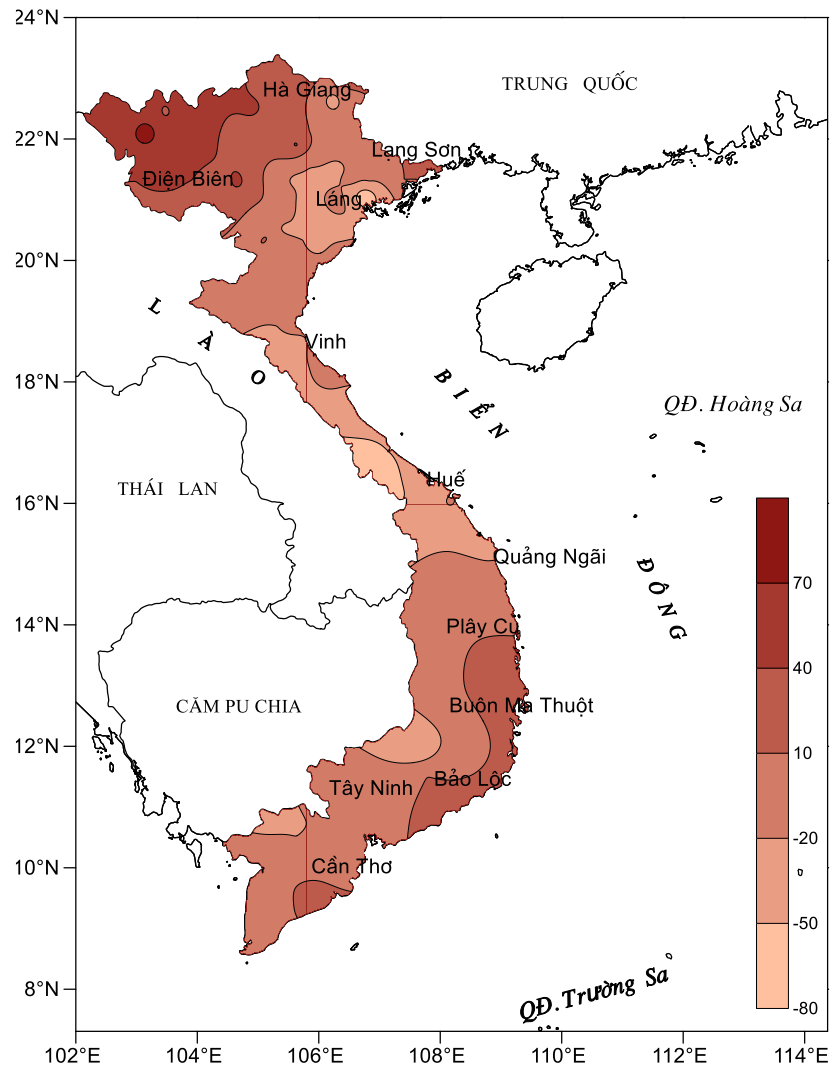
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VIII năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



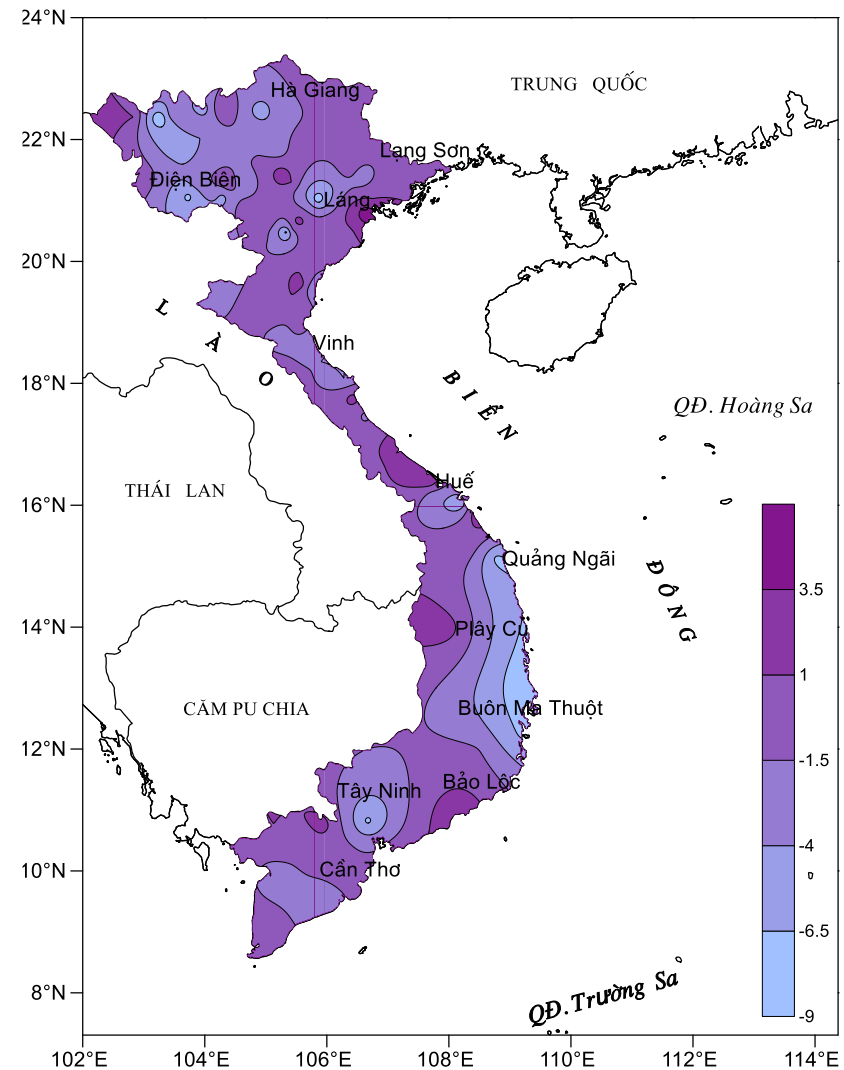
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VIII/2019 so với TBNN (°C)



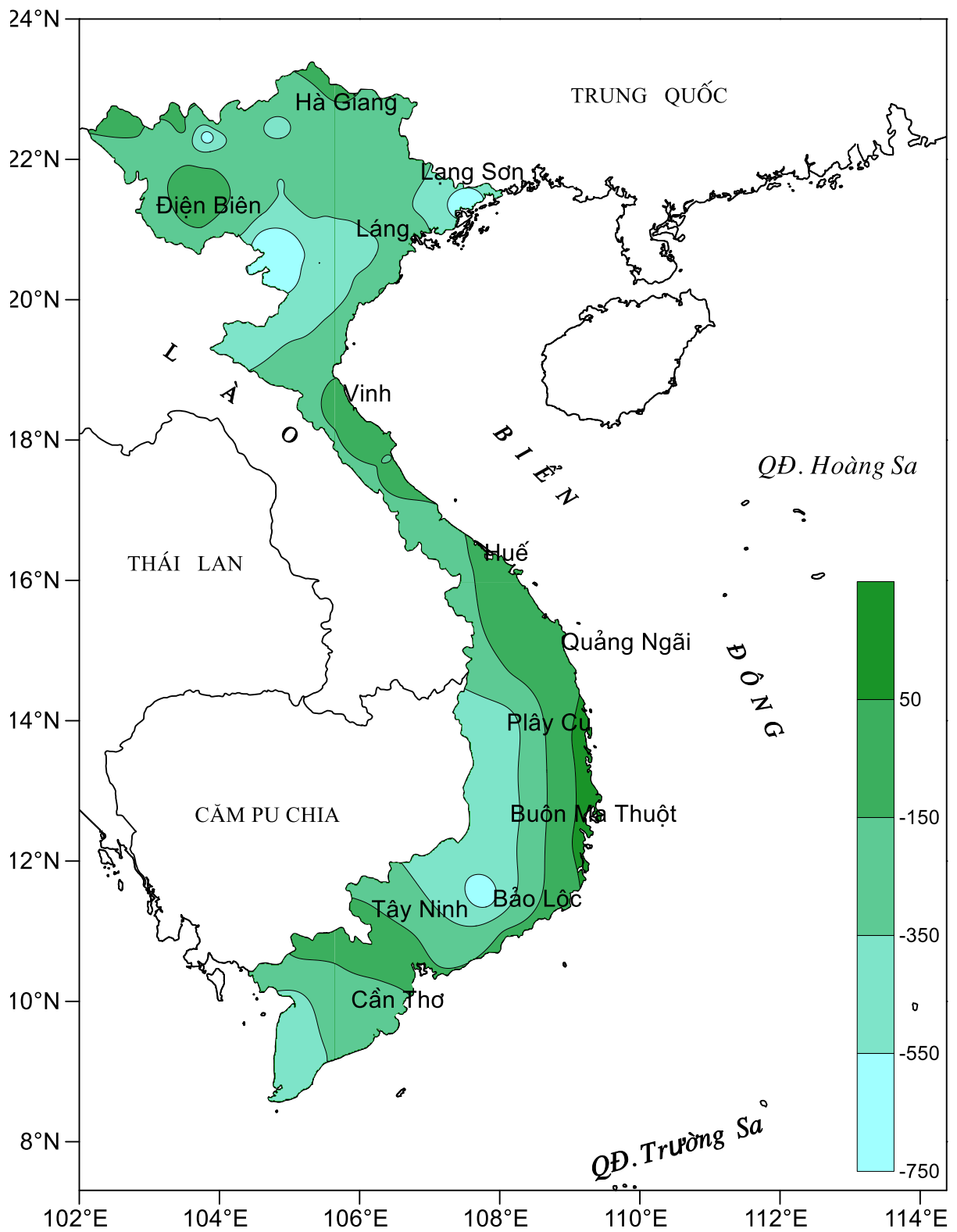
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VIII/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VIII/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VIII/2019 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VIII/2019 (mm)**